TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 10/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 08/02/2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn
Bà Vũ Thị Mai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 375/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn M - Sinh năm 1985 (Có mặt)
Trú quán: Thôn C – K Th – L Ng – B G.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm 1984 (Có mặt)
Trú quán: Thôn C – K Th – L Ng – B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/12/2017 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Trương Văn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau từ năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có được tỡm hiểu, tự nguyện kết hụn và khụng bị ai ộp buộc, được hai bên gia đỡnh tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hụn tại Ủy ban nhõn dõn xó theo quy định của pháp luật, sau khi cưới anh chị về chung sống với nhau tại thôn Cầu, xã K Th, huyện L Ng, tỉnh B G. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm,

không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến hay to tiếng. Từ đó tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt, ngày càng lạnh nhạt không cải thiện được, hiện nay anh chị đã ly thân với nhau, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm của hai vợ chồng đã hết, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trương Văn N1, sinh ngày 12/8/2002 và Trương Văn H, sinh ngày 12/8/2002, ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên đến phiên hòa giải ngày 15/01/2018 anh và chị N đã thống nhất để anh nuôi cháu N1, chị N nuôi cháu H, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/12/2017 bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Trương Văn M vào năm 2002. Trước khi kết hôn hai người có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, nhưng không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn C – K Th – L Ng – B G. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, được một thời gian vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến hay to tiếng, từ đó tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không cải thiện được, đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm của hai vợ chồng đã hết, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay anh Trương Văn M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trương Văn N1, sinh ngày 12/8/2002, Trương Văn H, sinh ngày 12/8/2002, ly hôn anh M có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị hoàn toàn nhất trí, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên đến phiên hòa giải ngày 15/01/2018 chị N thay đổi quan điểm xin được nuôi cháu H, để anh M nuôi cháu N1, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2018 cháu Trương Văn N1 trình bày: Cháu có nguyện vọng xin được ở với bố là Trương Văn M; Cháu Trương Văn H trình bày: Cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa anh Trương Văn M trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì anh và chị N không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn giữa anh và chị Nga đã trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trương Văn N1, sinh ngày 12/8/2002, Trương Văn H, sinh ngày 12/8/2002, ly hôn anh M có nguyện nuôi cháu trương Văn N1, nhất trí để chị N nuôi cháu Trương Văn H, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Trương Văn M tự nguyện xin chịu chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N nhất trí việc ly hôn với anh M, vì chị và anh M không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Về con chung: Chị nhất trí với ý kiến của anh M là để anh M nuôi cháu Trương Văn N1, sinh ngày 12/8/2002, chị nuôi cháu Trương Văn H, sinh ngày 12/8/2002, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật. Thực hiện thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 BLTTDS;

Xử: Không công nhận anh Anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Trương Văn M nuôi con chung là Trương Văn N1, sinh ngày 12/8/2002; Giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con chung là, Trương Văn H, sinh ngày 12/8/2002, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, vỡ cỏc đương sự không yêu cầu, sau khi ly hôn chị N, anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh M thực hiện quyền này.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Trương Văn Minh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003180 ngày 14/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh M, chị N xác định vợ chồng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống cho đến nay chị N và anh M cũng không đi đăng ký kết hôn, do vậy vi phạm Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nay cuộc sống giữa chị Nga anh Minh phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, anh M có đơn xin ly hôn với chị N nên cần áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình xử: Không công nhận anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Anh M, chị N đều xác định: Anh chị có 02 con chung là Trương Văn N1, sinh ngày 12/8/2002 và Trương Văn H, sinh ngày 12/8/2002, ly hôn anh M, chị N thống nhất thoat thuận để anh M nuôi cháu N1, chị N nuôi cháu H, cháu Trương Văn N1 cũng có nguyện vọng xin được ở với anh M, cháu Trương Văn H cũng có nguyện vọng được ở với chị N, nên cần giao cháu N1 cho anh M nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của trẻ em, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình. Anh M, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Trương Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 BLTTDS;

Xử: Không công nhận anh Anh Trương Văn M và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Trương Văn M nuôi con chung là Trương Văn N1, sinh ngày 12/8/2002; Giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con chung là, Trương Văn H, sinh ngày 12/8/2002, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, vỡ cỏc đương sự không yêu cầu, sau khi ly hôn chị N, anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh M thực hiện quyền này.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Trương Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Minh đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003180 ngày 14/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Văn Thể

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã K Th;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.